

DIỆU LIÊN THI TẬP
NỐT TRẦM BUỒN TRONG DÀN GIAO HƯỞNG HOÀNG CUNG

Trần Nhật Thu¹, Nguyễn Thị Thuý Nga^{2*}

¹ Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

² Khoa Báo chí - Truyền thông, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

* Email: ntthuynnga@husc.edu.vn

Ngày nhận bài: 25/4/2025; ngày hoàn thành phản biện: 27/4/2025; ngày duyệt đăng: 10/9/2025

TÓM TẮT

Là một trong số ít nhà thơ nữ cuối cùng của dòng thơ chữ Hán, Mai Am đã có những đóng góp đáng kể cho dòng văn học nữ nói riêng và văn học Việt Nam nói chung. Xuất thân hoàng tộc nhưng Mai Am không hề đắm chìm trong nhung lụa mà luôn giữ được nét nhìn đầy thương cảm với cuộc đời, với con người bên ngoài cung cấm. Những mất mát, đau thương trong đời sống riêng tư cùng biến động của thời cuộc khiến tâm hồn nhạy cảm ấy sớm đã gợn lên những rung động, suy tư sâu sắc để rồi lắng đọng lại trong *Diệu Liên thi tập*. Dẫu không tránh khỏi tính khuôn sáo ước lệ của văn chương cổ điển nhưng thơ Mai Am vẫn được xem là nét trầm buồn độc đáo trong dàn giao hưởng hoàng cung nhờ khả năng tái hiện những tình cảm chân thật, ý nhị và tinh tế.

Từ khoá: Diệu Liên thi tập, Mai Am, nốt trầm buồn, nỗi đau.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nói đến thơ chữ Hán thế kỷ XIX, bên cạnh những ông hoàng thơ một thời như Miên Thẩm, Miên Trinh..., người ta còn nhắc đến Mai Am công chúa - một nữ sĩ tài hoa xuất thân từ hoàng tộc triều Nguyễn. So với những tác phẩm để lại của các nữ sĩ trung đại, thi phẩm viết bằng chữ Hán của Mai Am là cả một gia tài thơ đồ sộ với hơn 300 bài thơ trong *Diệu Liên thi tập*.

Diệu Liên thi tập của Mai Am đã được cơ sở Mạc Vân Sào của ông anh Thương Sơn chọn khắc in ngay từ năm 1867, lúc bà mới viết đến quyển thứ ba. Tuy nhiên, do những biến cố của đất nước nên mãi đến năm 1891, nhờ sự giúp đỡ của vị phụ chính đại thần thứ ba cho vua Thành Thái là Kim Giang Nguyễn Trọng Hợp cùng một số vị quan yêu thích thơ văn khác, bản thảo *Diệu Liên thi tập* mới được in hoàn chỉnh. Tập

thơ gồm 211 đầu đề với 323 bài thơ dài, ngắn khác nhau, phản ánh chân thật cuộc sống của bản thân Mai Am trong cung cấm, ở Tiêu Viên, ở Nguyệt Biều, thể hiện những cung bậc tình cảm đời thường giản dị nhưng rất chân thành, sâu sắc. Tuy nhiên, không thể phủ nhận một điều rằng, đó là “thơ một phụ nữ khuê các, hơn thế, một bà chúa, sống giữa một giai đoạn lịch sử mà xã hội đang trải qua những biến động rất lớn, đất nước đang từ tự chủ trở thành lệ thuộc, là thơ của một con người giàu tình cảm, dễ xúc động, lại gặp nhiều bất nghi trong cuộc sống riêng tư. Với thơ của một người như thế, vấn đề lớn nhất không phải là chuyện đề tài, mà là bao nhiêu điều bất ta phải suy nghĩ, tìm hiểu, thông cảm, thậm chí cả trần trọc và tin yêu nữa” [1, tr.67].

Dẫu sao chẳng nữa, với một người phụ nữ xuất thân cao quý, sống giữa cung son điện ngọc, ít va chạm với thời cuộc, lại bị phong tỏa bởi nhãn quan phong kiến thì tấm lòng cũng như những nỗ lực bậc ấy đã cần ghi nhận.

2. NỘI DUNG

Phải nhận thấy rằng, thi nhân vốn là những người nhạy bén và dễ dàng rung cảm trước cuộc đời, cho dẫu chỉ là một vệt kỉ niệm xưa cũ thoáng qua. Sự nhạy cảm này, ở một người phụ nữ làm thơ, dường như lại càng mãnh liệt hơn. Với Mai Am, thế giới thơ của bà chỉ xoay quanh những bóng hình gần gũi, quen thuộc như chồng, con hay anh chị em trong nhà nhưng chính đó lại là nơi mà bà trao hết suy nghĩ, tâm tư, tình cảm, dù lúc vui hay buồn. Đọc *Diệu Liên thi tập*, không khó để nhận ra sắc màu trầm buồn chủ đạo. Điều này, như đã lí giải ở trên, là sự lắng đọng có tính tất yếu của một hồn thơ sớm đã trải nghiệm quá nhiều những mất mát, đau thương giữa chốn phù sinh.

2.1. Nỗi xót xa sinh li tử biệt

Từ xưa đến nay, tình yêu luôn là đề tài vĩnh cửu của thơ ca và thơ Mai Am cũng không phải là ngoại lệ, thế nhưng đọc *Diệu Liên thi tập*, ta lại thấy tình yêu trong thơ bà mang sắc thái riêng so với các thi nhân cùng và khác thời. Từ góc nhìn của một người mẹ, một người vợ trong thời kỳ lịch sử đầy biến động. Mai Am đã viết nên những vần thơ khiến người đọc nhói lòng trước cảnh sinh ly tử biệt. Cho dẫu trong kho tàng văn học dân tộc không thiếu những bài văn, bài thơ tế vợ, khóc chồng hay và cảm động, chẳng hạn như *Văn tế sống vợ* của Trần Tế Xương (dẫn chứng ko phù hợp), thơ khóc vợ của Nguyễn Kiều, của Ngô Thì Sĩ hay *Ai tư văn* của Ngọc Hân công chúa... nhưng ở Mai Am, những lời gan ruột cất lên từ nỗi đau mất chồng vẫn có một chút gì riêng biệt. Gắn bó với Thân Trọng Di suốt ba mươi lăm năm, ở thời điểm bà ngỡ mình có được hạnh phúc trọn vẹn, đủ đầy thì tất cả lại tan biến như một giấc mộng. Thậm chí, bà không kịp nhìn ông lần cuối, chỉ biết dồn hết niệm tưởng vào ngôi

mộ gió lập cho chồng. Lời hứa hẹn “đồng huyết” ngày kết duyên trở thành nỗi thao thức khôn nguôi:

Kết li khổ tự kì đồng huyết

Di cốt nan quy cự kiến oanh

Phương thốn hà kham dinh bách lự

Mộng Trang chỉ hợp ái ngô sinh (in nghiêng hoặc đóng ngoặc kép đoạn thơ)

(Phụng hoa gia tử Nguyệt Đình “Sơn cư nhàn vịnh kiến kí” chi tác)

Lúc kết duyên, khổ nỗi đã mong táng chung một huyết

Trước đây khi xây lăng mộ, nắm xương tàn khó đưa về chôn

Tắc lòng làm sao có thể tính toán giải quyết nỗi trăm mối nghĩ lo

Chỉ thấy Trang Chu mới thương cuộc đời ta [có giới hạn] (Dùng dấu ngoặc đơn cho đoạn dịch nghĩa)

(Kính họa bài thơ “Ở vùng núi, nhàn rồi vịnh gởi những điều trông thấy” của bà chị Nguyệt Đình)

Mất chồng rồi lại mất con, Mai Am đã đi từ nỗi khổ ái biệt ly của người vợ đến nỗi đau “đoạn trường” của người mẹ. Mười lăm bài thơ khóc con “Khốc nhi thi - thập ngũ thủ, lục cửu” (Thơ khóc con - Mười lăm bài, chép chín), bài nào cũng đứt ruột xé gan:

Mai ngọc thời phùng cốc vũ thiên

Đoạn trường thử biệt vĩnh thiên niên

(Lúc chôn ngọc gặp ngày cốc vũ

Đau đứt ruột với cuộc chia li này dằng dặc nghìn năm)

Hay:

Nhiều tất hiên cừ sự diểu nhiên

Đoạn trường hướng trị lạc hoa thiên

Trung lan giấc mộng thành công án

Khuất chỉ cù lao vị ngũ niên

(Những nụ cười quẩn quýt quanh đầu gối, chuyện ấy đã xa vùi

Hướng nỗi đau đứt ruột lại gặp phải ngày các loài hoa tàn rụng

Một điềm mộng sinh con trở thành một cái án không phân giải được

Bấm đốt ngón tay, công khó nuôi con chưa được năm năm)

Hình ảnh đưa con thơ cứ trở đi trở lại với giọng nói, tiếng cười, cử chỉ ngây thơ như xé nát tâm can người mẹ. Ngày mất con, với người mẹ, là ngày mà thiên nhiên, trời đất cũng tang thương, ứa tràn: mưa gió, trăm loài hoa tàn rụng. Ngõ như mưa gió của trời cũng khóc cho duyên phận mẹ con ngắn ngủi. Những dòng thơ đầy nước mắt chảy tràn trên trang giấy: “Tình tri nhất tử vĩnh tương li” (Đã biết rõ một chết là vĩnh viễn xa cách nhau), “Đoạn trường thủ biệt vĩnh thiên niên” (Đau đứt ruột với cuộc chia li này dằng dặc nghìn năm), “Lục tuế hài nhi thổ nhất phong/ Thiên thu mạch phạn sánh thùi cung” (Sáu tuổi con thơ, một năm mồ đất/ Nghìn thu nhờ ai đem cúng bát cơm), “Hoa ốc sơn khâu nhất thuấn canh” (Từ ngôi nhà hoa lệ đến nắm đất gò giữa núi, sự thay đổi trong khoảnh khắc một cái chớp mắt). Mỗi câu thơ là một giọt huyết lệ mà chỉ những ai từng làm mẹ mới có thể thấu hiểu. Sự chia cắt được nhấn mạnh đến độ tuyệt đối, bằng khoảng cách “thiên niên” mà hiển nhiên đòi người với trăm năm ngắn ngủi chẳng thể nào có cơ hội gặp lại. Nhưng lòng mẹ vĩnh viễn như thế, thương con bất luận khi con bị bỏ bên gối hay khi con đã nằm dưới đất sâu, chỉ những lo con không có cơm ăn, phải nằm dưới mấy tấc đất lạnh lẽo, cô độc. Ranh giới sinh tử không thể ngăn cản người mẹ tiếp tục dõi theo con mình ở cõi bên kia. Nỗi đau chân thực này chính là nguyên cớ khiến thơ Mai Am gây xúc động mạnh với người đọc, cho dầu câu chữ giản dị, không cầu kì.

Cuộc đời Mai Am là những nỗi đau chồng chất, nên thơ bà cũng là những giọt buồn nối tiếp. Anh chị em, những điểm tựa tinh thần của bà cũng lần lượt rời đi, để lại nỗi đau khó nguôi ngoai. Lúc Miên Thẩm – người anh – người thầy học của bà mất, bà đã khóc:

Giáng duy li tảo biệt

Sơ lãn hối lòng tiền

(Khóc gia huynh Tùng Thiện Văn Nhã Thương Sơn tiên sinh)

(Tắm màn buông xuống buồn vì sớm phải vĩnh biệt

Hối hận trước kia ít nhờ cậy)

Khóc anh trai là Tùng Thiện Văn Nhã Thương Sơn tiên sinh

Trong bài *Cửu nhật đăng cao yết tiên huynh viên tảo, sáng nhiên hữu tác* (Ngày trùng cửu lên cao, cáo yết tảo mộ tiên huynh, buồn thương mà viết ra), bà lại viết:

Quế tử doanh doanh hòa lệ chiêm

Cửu nguyên ưng thức mộ niên tâm

Bất tri thủ hậu trùng dương tiết

Tải tiêu do năng kỉ độ lâm

(Chén rượu hoa quế đầy tràn rót dâng hòa với nước mắt

[Người] dưới mộ có biết rõ chẳng nỗi lòng của tuổi chiều [này]?

Không biết sau đây gặp tiết trùng dương

Còn có thể mang rượu lên cao được mấy lần?)

Với chồng, là sự quyến luyến sau gần trọn cả cuộc đời gắn bó, với con là nỗi đau máu thịt chia lìa, với người anh Miên Thẩm, Mai Am lại thể hiện nỗi tiếc nuối một bóng hình tài hoa mà bà yêu quý và thương thức. Hình ảnh chén rượu hoa quế hoà với nước mắt chính là nỗi ngậm ngùi, xa xót, bởi chính bà cũng hiểu, cuộc đời không còn cho mình nhiều cơ hội để đối ẩm với người anh đã mất.

Đã từng đau đớn khi mất đi người anh trai yêu quý, Mai Am lại càng quặn lòng hơn khi chứng kiến Huệ Phố ra đi:

Xuân sầu lệ ứng duyên thanh lạc

Biệt hận tâm tùy liễu như oanh

(Khóc quý muội Thuân Lễ công chúa)

(Giọt lệ sầu xuân rơi đáp tiếng cuộc kêu

Lòng oán hận chia li quẩn theo sơ bông liễu.

(Khóc em công chúa Thuần Lễ)

Với người anh – người thầy thân quý, Mai Am dùng chén rượu hoa quế hoà nước mắt để thể hiện nỗi lòng, còn với người chị em gái, bà tinh tế dùng những hình ảnh “quyên thanh”, “liễu như” đi cùng “sầu lệ”, “biệt hận”, trong xót thương lại có chút yếu mềm nhi nữ. Đây có thể xem là nét tinh tế của Mai Am trong cách diễn đạt nỗi đau sinh li tử biệt.

Cái chết cắt lìa sợi dây thân tình, ngăn cách người ra đi và người ở lại bằng những nỗi đau khôn tả. Khó có thể nói được rằng ai đau hơn ai, nhưng có thể chắc chắn rằng trong cuộc đời dài đằng đẵng của người ở lại thì nỗi đau, niềm nhớ vẫn mãi in hằn. Suốt bảy mươi tám năm cuộc đời, không biết bao nhiêu lần Mai Am phải làm người ở lại trong những nỗi đau tưởng chừng như khó có thể vượt qua. “*Mai Am tạo nên một nỗi buồn dai dẳng, triền miên trong thơ. Mai Am sống trong cảnh ngộ “mười năm lẻ bóng”, mất con, mất chồng, sống vò võ nơi làng quê xa vắng. Đọc Diệu Liên thì tập ta có thể hình dung được chiều sâu tâm tư của một người vợ, một người mẹ trong một thời kì lịch sử rối ren đầy biến động*” [1, tr. 32]. Những vết thương lòng cứ lớn dần và chồng chất lên nhau. Những giọt nước mắt của người em khóc anh qua đời, của người chị tiễn em về nơi cửu tuyền, của người mẹ đau đớn khi mất đứa con mà mình hết mực thương yêu và nhất là của người vợ xót thương chồng vì nghĩa lớn mà phải bỏ mình nơi rừng sâu núi thẳm. Tất cả tạo nên trong tâm thức nữ sĩ một mối sầu khôn nguôi, kéo dài đằng đẵng trong suốt cuộc đời héo hắt và cô đơn của Mai Am không gì có thể bù đắp được.

Để rồi từ đó, dường như mọi thứ trong thơ bà đều chỉ còn là “cô”, “độc” hay “biệt”, vĩnh viễn không thể tìm lại sự sống đôi tương phùng:

Thi tụng Nguyên linh hoàn nại độc

Cầm đàn Biệt hạc bất thành thanh

(Phụng họa gia tử Nguyệt Đình “Sơn cư nhàn vịnh kiến ký” chi tác)

(Thơ ngâm (đến) bài Nguyên linh chỉ còn độc gắng

Đàn gảy khúc Biệt hạc, không bật nổi âm thanh)

(Kính họa bài thơ “Ở vùng núi, nhàn rồi vịnh gởi những điều trông thấy” của bà chị Nguyệt Đình)

2.2. Mối quan hoài vận mệnh nước nhà

Sống trong thời kỳ đất nước đối mặt với thảm họa xâm lăng, Mai Am chứng kiến và theo dõi tất cả những sự kiện lịch sử. Mỗi sự kiện, mỗi biến cố xảy ra đều gắn liền với vận mệnh đất nước, với sự sống còn của hoàng tộc và bản thân Mai Am. Với bà, nỗi nước với tình nhà là một. Điều này lý giải vì sao người đọc có thể bắt gặp trong thơ Mai Am những câu chữ thể hiện niềm cảm thương sâu sắc đối với nghĩa dân tử trận “vị quốc vong thân” bên cạnh những bài thơ viết về tình cảm gia đình.

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, của gia tộc, trải qua nhiều đời vua như Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức..., chứng kiến cuộc xâm lược của thực dân Pháp cũng như sự sụp đổ của chế độ phong kiến trên vũ đài chính trị, cảm xúc của Mai Am đã có nhiều biến chuyển. Sự ăn sâu bám rễ của tư tưởng Nho giáo trong tâm thức, xuất thân hoàng tộc và niềm tin vào triều đình không ngăn cản Mai Am có những cảm nhận chân thực về thời cuộc. Sau niềm vui trước chiến thắng có phần vội vàng, năm 1861, quân triều đình thua nặng, từng tấc đất mất dần vào tay giặc. Triều đình nhún nhường, nhân dân phần uất, nhiều cuộc khởi nghĩa nổi lên chống giặc, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa ở xứ Cần Giuộc, Tân An, Gò Công. Như một lẽ tất yếu, cuộc nổi dậy chìm trong biển máu. Lúc này, Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn Nôm, với nhan đề *Tế Cần Giuộc sĩ dân trận vong văn*, được sao chép và truyền đi khắp cả nước. Bài văn là tình cảm của Nguyễn Đình Chiểu đối với những nghĩa sĩ nông dân, vũ khí thô sơ nhưng tấm lòng gan dạ mấy ai sánh được. Thấu hiểu và cảm nhận một cách sâu sắc nỗi đau của đất nước, lại gặp những dòng thơ đầy xúc động của Nguyễn Đình Chiểu trước cảnh nhân dân lâm than, chính nghĩa đang gặp lúc thất thế, Mai Am đã xúc động viết bài thơ *Độc điệu nghĩa dân tử trận văn*:

Điếu văn tam phục trọng đề hồi

Nghị phách từ phong tấn khả ai

Xích tử cần vương năng địch khái

Thư sinh dụng võ tích phi tài

Yên mê chiến lũy tây nhung mẫn

Nguyệt lãnh sa trường bạch cốt đôi

Quốc ngữ nhất thiên truyền bất hủ

Tuyệt thắng Quảng Hán yếm khô hài

(Đọc đi đọc lại bài văn điếu, lòng cứ bồi hồi không dứt

Khí phách mạnh mẽ, lời văn sắc bén, thật đáng thương

Nhân dân ra sức giúp vua, căm giận quân giặc

Người học trò xông ra chiến trận, tiếc không phải là tài của mình

Khói phủ mờ chiến lũy, đầy binh lính Tây

Văn quốc ngữ một bài lưu truyền mãi mãi

Hơn hẳn [việc thái thú] Quảng Hán chôn cất những hài cốt khô)

Có thể thấy, khi đọc áng *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của cụ Đồ Chiểu, Mai Am đã mang nặng một nỗi suy tư, trăn trở trước vận mệnh của đất nước. Bà cũng đã sớm nhận ra vẻ đẹp của lòng can trường, tinh thần xả thân “cần vương” ở những con người bình thường, dung dị nhất. Mai Am cũng thể hiện sự đồng cảm và đánh giá cao đối với bài văn tế “quốc ngữ nhất thiên truyền bất hủ”, điều này góp phần khẳng lập trường cũng như thái độ của bà đối với tình hình thực tế lúc bấy giờ.

Niềm vui trước tin quân giặc rút khỏi Đà Nẵng chưa kịp trọn thì nỗi xót xa đã ập đến vào ngày bà quay lại Thuận An và tận mắt chứng kiến một khung cảnh vắng lặng, tả tơi. Pierre Loti, một sĩ quan hải quân Pháp từng tham cuộc chiến năm 1883, đã nhớ lại trong nỗi kinh hoàng lẫn hối hận: “Những thân hình gầy guộc, quần áo tả tơi, đầu đội nón trắng được vũ trang sơ sài bằng giáo mác và những khẩu súng cổ hủ. Họ chẳng có vẻ gì là những kẻ thù đáng gờm của chúng ta. Thế mà trong cơn loạn họ đã bị chúng ta giết sạch ngay tại chỗ bằng lưỡi lê... say sưa vì những tiếng kêu la, vì cuộc đuổi bắt, vì màu đỏ của máu, bọn lính thủy tàn sát một cách thích thú. Khi chẳng còn ai để giết, bọn chúng vẫn còn kích động đến cực độ đã ủa ra khỏi pháo đài để lao tới những kẻ bị thương. Đám người này quá khiếp sợ, kẻ thì gục trong hố giả chết, kẻ rúc vào chiếu kê rên thảm thiết, giơ hai tay lên van xin đừng giết. Nhưng bọn lính thủy đã kết liễu đời họ, dùng lê đâm nát người hoặc lấy báng súng đập vỡ sọ, tất cả không trừ một ai” [4, tr. 22]. Những cơn cuồng sát như thế đã khiến Thuận An trở thành tử địa, đó là điều khiến Mai Am chấn động trong một lần quay trở lại nơi cửa biển này:

Nhất đài sa cương tiếp tiểu châu
Bồng Lai cung điện thẳng cao lâu
Không kinh thẳng tích câu trần tích
Cự đài ngôn sầu thủy đục sầu
Bạch vĩ hoàng mao hoang cổ lũy
Lục ba phương thảo diệu cô châu
Tà dương tự giải li nhân ý
Y luyện chinh phạm ảnh vị thâu

(Thứ vận “Tái đáo Thuận An hữu cảm” chi tác)

(Một giải đất cát tiếp liền với bãi sông nhỏ hẹp

Cung thất [xưa] như cảnh Bồng Lai chỉ còn lại một cái lầu cao

Luống giạt mình trước bao thẳng cánh cũ đều là những dấu
tích hoang tàn

Đâu đợi nói lên nỗi sầu lòng mới sầu

Lau trắng, tranh vàng, hoang vu lũy cũ

Sóng biếc, cỏ thơm, xa xa chiếc thuyền lẻ loi

Nắng chiều như thấu hiểu ý nghĩa của người xa cách thân nhân

Cứ lưu luyện mãi chiếc thuyền ra khơi, bóng chưa nhạt tắt)

- Họa nguyên văn bài “Cảm xúc khi trở lại Thuận An”

Thuận An thời hoàng kim, tàu thuyền tấp nập, ngược xuôi neo đậu đã không còn, thay vào đó là cảnh hoang tàn, đổ nát, cỏ mọc hoang vu. Thực tại ấy đã khiến Mai Am bàng hoàng, xúc động và đau lòng, lời thơ vì thế càng sâu lắng, khắc khoải. Cái giạt mình “không kinh” tuy chỉ là của bậc nữ lưu nhưng lại khiến người đọc thêm cảm mến trước tấm lòng của Mai Am đối với đất nước muôn dân. Hiện thực và quá khứ đối lập với nhau một cách mãnh liệt qua cụm từ sóng đôi: thẳng tích - trần tích. Dấu tích duy nhất của vẻ đẹp từng được ví với “Bồng Lai cung điện” xưa là hình ảnh “cao lâu”, gợi lên cảm giác hoang tàn, tịch liêu của cái đẹp bị huỷ diệt. Bao trùm lên toàn bộ bài thơ là nỗi niềm luyện tiếc, đau thương phảng phất hương vị hoài cổ qua hình ảnh “cổ lũy”, “cô châu”, “chinh phạm”. Tuy Lý Vương đánh giá cao bài thơ này của Mai Am. Ông cho rằng bài thơ không thua kém Ban Tiệp Dư hay Tạ Đào Uẩn, đọc xong “lòng không ngăn được cảm nhớ, nghĩ lại buổi trước, dâu bể đổi thay, thành quách giang sơn tan nát, mắt nhìn càng không khuây nổi nước, tình nhà” [1, tr.40].

Mặc dù chỉ có mấy bài thơ ngắn ngủi, song đây là lần đầu tiên, một cây bút nữ, xuất thân từ hoàng tộc lại thể hiện niềm quan tâm rõ nét đến những vấn đề của thời đại. Rõ ràng, những bức tường cao ở phủ đệ cũng như nền nếp giáo dục chốn khuê phòng thực sự không ngăn được tấm lòng và tâm hồn của Mai Am. Bà bày tỏ những xúc cảm chân thực, sâu sắc đối với cuộc sống của muôn dân trăm họ và chưa một giây phút nào bàng quan trước vận mệnh của đất nước. Mỗi quan hoài, dấu chỉ thể hiện qua một đôi từ thơ, cũng đủ tạo thành một mạch tư tưởng khá nhất quán trong sáng tác của Mai Am, đồng thời, là sự biểu lộ sáng rõ cho tính cách của bà: không thích cuộc sống hưởng thụ, gắn bó cuộc đời với sách vở, thơ từ, chuộng sự giản dị và luôn rèn mài tấm lòng nhân từ, hiếu nghĩa.

3. KẾT LUẬN

Mai Am không phải là thành viên hoàng tộc duy nhất làm thơ, viết văn, số lượng tác phẩm cũng không thật nhiều nhưng vẫn tạo dựng được một nét phong cách riêng biệt. Cuộc đời nhiều biến cố với những xung động mãnh liệt trong tâm hồn, một trái tim nhạy cảm cùng ý thức về trách nhiệm của bản thân trong thời loạn, sự táo bạo vượt ra khỏi những khuôn thước trong cách suy nghĩ và biểu lộ cảm xúc ở một chừng mực nhất định, tất cả những điều đó là nguyên do làm nên sự khác biệt của Mai Am. Nghĩa nước, tình nhà tồn tại song hành và chi phối gần như trọn vẹn cảm quan về thực tại của bà. Trong thơ bà, cho dẫu vẫn có những niềm vui nho nhỏ, nhưng ngấm lại, phần lớn câu chữ dường như đều được chất lọc từ sự thấu triệt đến tận cùng những mất mát, đau khổ của nhân sinh, tạo thành nốt trầm buồn đặc hữu trong dàn giao hưởng hoàng cung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lương An (2004), *Thơ Mai Am và Huệ Phố*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [2]. Lương An (1988), *Mai Am -Nhà thơ nữ tài hoa của xứ Huế nửa sau thế kỉ XIX (1829-1904)*, Tạp chí Sông Hương, số 33, tr.67-68. (nên đưa 1988 lên trước 2004)
- [3]. Phước Hải (07/1999), *Công chúa Mai Am in thơ*, Báo Thừa Thiên Huế, số 1475, tr.1.
- [4]. Đỗ Thị Hào (1995), *Khảo sát văn bản Diêu Liên thi tập của nữ sĩ Mai Am*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Ngữ Văn, Trường ĐHSP Hà Nội, Hà Nội.
- [5]. Vũ Ngọc Khánh (2008), *Mai Am công chúa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

“DIỆU LIÊN THI TẬP” - A MELANCHOLIC NOTE IN THE ROYAL SYMPHONY

Tran Nhat Thu¹, Nguyen Thi Thuy Nga^{2*}

¹ Faculty of Literature and Linguistics, University of Sciences, Hue University

² Faculty of Journalism and Communication, University of Science, Hue University

* Email: ntthuynga@husc.edu.vn

ABSTRACT

As one of the last few female poets to compose Han poetry genre, Mai Am made significant contributions to women’s literature in particular and to Vietnamese literature in general. Though she was born in a royal family, Mai Am did not indulge in a life of luxury; instead, she maintained a compassionate and empathetic perspective toward life and living beyond the confines of the royal court. The losses and sorrows in her personal life, along with the upheavals of her era, stirred deep emotions and contemplations within her sensitive soul - eventually finding expression in *Diệu Liên thi tập*. While her poetry does not completely escape the conventional motifs of classical literature, Mai Am's poetry are nonetheless considered as a uniquely melancholic voice within the royal literary symphony, distinguished by her ability to convey genuine, subtle and refined emotions.

Keywords: Diệu Liên Thi Tập, Mai Am, melancholic note, sorrow.



Trần Nhật Thu sinh ngày 04/7/1982 tại Thừa Thiên Huế. Bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Ngữ văn năm 2004, tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam năm 2009 và nhận học vị Tiến sĩ năm 2017 tại Trường Đại học Khoa học, ĐH Huế. Bà công tác tại Khoa Ngữ văn, trường Đại học Khoa học, ĐH Huế từ năm 2004.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học Việt Nam



Nguyễn Thị Thuý Nga sinh ngày 26/11/1987 tại Quảng Trị. Bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Ngữ văn năm 2010 tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam năm 2019 tại Trường Đại học Khoa học, ĐH Huế. Hiện nay, bà công tác tại Khoa Báo chí - Truyền thông, Trường ĐH Khoa học, ĐH Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học Việt Nam